

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 88/2025/DS-ST

Ngày 20 – 5 - 2025

V/v “Tranh chấp về chia tài sản chung
và chia tài sản thừa kế”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 410/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm: 1949; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Dương Hiền M, sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị Đ1, sinh năm: 1970; địa chỉ: Khố T, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2. Ông Dương Hiền H, sinh năm: 1972; địa chỉ: K, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

3. Ông Dương Hiền V, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Người giám hộ cho ông Dương Hiền V có bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (ông V vắng mặt, bà Đ có mặt)

4. Ông Dương Hiền Q, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

5. Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Tấn Hải L, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Dương Phương V1, sinh năm: 2002 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: K, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

8. Ông Dương Hiền C, sinh năm: 1955; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1968; địa chỉ: Khôi Bằng A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

12. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1963; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/5/2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ trình bày:

Bà Đỗ Thị Đ và ông Dương Thành kết H3 vào năm 1967, đến năm 2020 ông T3 chết. Bà Đ và ông T3 sinh được 06 người con, gồm: Dương Thị Đ1, Dương Hiền H, Dương Thị L1, Dương Hiền M, Dương Hiền V, Dương Hiền Q. Trong đó có Dương Thị L1 chết năm 2022, có chồng Nguyễn Tấn H1 và 02 người con Nguyễn Tấn Hải L, Nguyễn Dương Phương V1. Ngoài ra bà và ông T3 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Dương T3 là do vợ chồng bà Đ nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn M1 (tên thường gọi là Năm M2), với giá khoảng 03 chỉ vàng, vàng để mua đất là tài sản chung của vợ chồng bà. Khi nhận chuyển nhượng đất có viết giấy viết tay, giấy này ông Dương Thành G, hiện nay ông T3 chết, thời gian đã lâu nên giấy mua bán đất bị thất lạc. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà sử dụng đăng ký kê khai, đến năm 2000 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Dương T3. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Dương T3 nhưng bà Đ khẳng định đây là tài sản của vợ chồng bà, không phải tài sản của hộ gia đình.

Quá trình sử dụng đất, năm 2019 có làm thủ tục đăng ký biến động, xác định thửa đất 252 có diện tích đất ở là 1003m², đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao là 428m². Năm 2020 có làm thủ tục tách thành hai thửa mới là thửa 742 diện tích 494,7m² và thửa 743 diện tích là 936,3m². Theo bà Đ, thửa đất số 742 diện tích 494,7m² (thửa mới tách) vợ chồng bà có viết giấy tay tặng cho con trai Dương Hiền Q tuy nhiên sau khi làm hồ sơ tách thửa thì ông T3 bệnh nặng nên chưa hoàn thành xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy thửa đất số 742, tờ bản đồ số 5, diện tích 494,7m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn là của hộ Dương T3.

Về tài sản trên đất, hiện nay trên thửa đất 252 có các tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4; 01 ngôi nhà 02 tầng; 01 nhà máy gạo; 01 giếng nước; một mái hiên tôn; cổng; hàng rào sắt và cổng sắt; chái tôn; 03 cây mít; 01 cây bưởi; 50 cây chuối; 02 bụi tre; 01 cây chanh; 02 cây bông trang. Đối với 01 ngôi nhà cấp 4; 01 nhà máy gạo; 01

giếng nước là tài sản của vợ chồng bà Đ tạo lập, không có đóng góp của các con. Các cây trồng trên đất như 03 cây mít; 01 cây bưởi; 50 cây chuối; 02 bụi tre; 01 cây chanh; 02 cây bông trang là do vợ chồng bà trồng. Đối với một mái hiên tôn; cổng; hàng rào sắt, cổng sắt; chái tôn; là tài sản của bà Đ xây dựng sau khi ông T3 chết. Đối với 01 ngôi nhà 02 tầng là vợ chồng bà cùng với con trai Dương Hiển Q góp tiền xây dựng, Q góp vào khoảng 300.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà Đ yêu cầu Tòa giải quyết chia tất cả tài sản trên theo pháp luật. Tuy nhiên, qua phiên hòa giải và tại phiên tòa ông M chỉ tranh chấp đối với tài sản quyền sử dụng đất, 01 ngôi nhà cấp 4; 01 ngôi nhà 02 tầng và 01 nhà máy gạo, không tranh chấp những tài sản khác nên bà Đ thống nhất với ý kiến của ông M. Bà Đ chỉ yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung và chia thừa kế đối với thửa đất số 252 diện tích 1.431m²; 01 ngôi nhà cấp 4; 01 ngôi nhà 02 tầng và 01 nhà máy gạo những tài sản còn lại bà Đ không yêu cầu Tòa giải quyết. Bà Đ có nguyện vọng được nhận nhà và đất.

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, bà Đ thống nhất, không có ý kiến gì. Về chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra bà Đỗ Thị Đ không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, bị đơn ông Dương Hiển M trình bày:

Ông Dương T3, bà Đỗ Thị Đ là cha mẹ ruột của ông. Cha ông chết năm 2020, mẹ ông hiện đang còn sống. Cha mẹ ông M sinh được 06 người con gồm Dương Thị Đ1, Dương Hiển H, Dương Thị L1, Dương Hiển M, Dương Hiển V, Dương Hiển Q. Trong các anh chị em thì có chị Dương Thị L1 chết năm 2022, có chồng Nguyễn Tấn H1 và có 02 con gồm Nguyễn Tấn Hải L, Nguyễn Dương Phương V1.

Theo ông được biết, nguồn gốc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ cấp cho hộ Dương T3 là do cha mẹ ông mua lại và sử dụng từ trước 1975, đây là tài sản của cha mẹ ông không liên quan gì đến bà nội và các cô chú của ông. Ông M sinh sống cùng với cha mẹ trên thửa đất từ nhỏ và không có công khai phá gì thêm. Hiện nay, trên thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 có 01 ngôi nhà 3 gian để thờ cúng ông, bà; 01 ngôi nhà 02 tầng nhà dưới để ở và sinh hoạt; 01 nhà cấp 4 dùng để làm máy gạo, đây là tài sản của cha mẹ ông tạo dựng và một số cây cối trên đất.

Theo ông, khi cha ông còn sống thì vào năm 2019, cha mẹ ông tự ý cho em út Dương Hiển Q một phần đất và tài sản trên đất nhưng không có sự đồng ý của ông là không công bằng. Sau khi cha ông chết, mẹ cùng các anh chị em ông yêu cầu làm giấy tờ chia phần đất còn lại, ông cho rằng đất của cha để lại thì để làm nhà thờ, để lại gốc tích của cha ông nên ông không đồng ý ký các thủ tục để chia. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, mẹ ông đã khởi kiện ra Tòa thì không còn tình nghĩa gì nữa, ông đề nghị Tòa án giải quyết chia đều tài sản của cha mẹ cho 06 người con, cụ thể là chia quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ cấp cho hộ Dương T3, tài sản trên đất 1 ngôi nhà 3 gian, 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 nhà cấp 4 để làm máy gạo. Đối với các tài sản còn lại như máy gạo, chái tôn, cây cối, cổng ngõ ... ông không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, ông M đã nhận được bảng photo kết quả đo đạc, kết quả định giá, ông hoàn toàn thống nhất. Ngoài ra ông M không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2023 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Hiến Q trình bày:

Ông Q là con của Dương T3 và bà Đỗ Thị Đối . Về quan hệ huyết thống, nhân thân những người con còn sống và đã chết theo như bà Đ trình bày là đúng, ông Q không bổ sung gì thêm. Về nguồn gốc đất thừa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ cấp cho hộ Dương T3 là của cha mẹ ông. Ông Q sống chung với cha mẹ, vào năm 2019 cha mẹ ông có hứa cho ông một phần diện tích đất tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ và làm nhà để cho ông sống chung cùng với cha mẹ nên khi xây dựng nhà thì ông góp 300.000.000 đồng cùng với cha mẹ để xây nhà. Khi cha ông đang làm thủ tục tách thửa đất để cho phần nhà gắn liền trên đất cho ông thì bị bệnh chết. Nay, bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và tài sản thừa kế thì ông đề nghị Tòa xem xét về số tiền góp vào làm nhà chung với cha mẹ để đảm bảo quyền lợi cho ông. Đối với kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ông Q thống nhất và không có ý kiến gì thêm

Tại bản tự khai ngày 20/12/2023 của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Đ1, ông Dương Hiến H và các lời khai tiếp theo bà Đ1, ông H trình bày:

Ông, bà là con của ông Dương T3 và bà Đỗ Thị Đối . Về quan hệ huyết thống, nhân thân những người con còn sống và đã chết theo như bà Đ trình bày là đúng, ông H, bà Đ1 không bổ sung gì thêm. Về nguồn gốc đất thừa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ cấp cho hộ Dương T3 là do cha mẹ của ông, bà nhận chuyển nhượng mà có. Ông, bà sinh sống trên thửa đất trên và không có công khai hoang, bồi đắp gì thêm. Về tài sản trên đất, trên đất có 01 ngôi nhà trên dưng để thờ cúng, 01 ngôi nhà dưới 02 tầng và 01 nhà cấp 4 để làm máy gạo. Theo các ông, bà thì khi ông T3 còn sống có hứa cho con trai út Dương Hiến Q 01 phần diện tích đất, tuy nhiên khi đang làm thủ tục tách thửa thì ông Dương Thành C1 nên thửa đất vẫn còn tên hộ Dương T3. Nay, bà Đ yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế thì bà Đ1, ông H yêu cầu Tòa giải quyết theo pháp luật, phần tài sản của ông, bà được chia thì tặng cho lại cho mẹ là bà Đỗ Thị Đối .

Đối với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà Đ1, ông H thống nhất và không có ý kiến gì. Ngoài ra bà Dương Thị Đ1, ông Dương Hiến H không có trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2025 bà Đỗ Thị Đ người giám hộ cho ông Dương Hiến V trình bày:

Bà Đ là mẹ của ông Dương Hiến V, ông V là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Theo quyết định số 09/2023/QĐST-DS ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn có chỉ định bà Đỗ Thị Đ là người giám hộ cho ông Dương Hiến V. Theo bà Đ thì tài sản ông Dương T3 để lại đề nghị giải quyết chia thừa kế cho ông Dương Hiến V theo pháp luật, bà Đ có trách nhiệm quản lý tài sản ông V nhận thừa kế và hứa sẽ chi phí, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo quyền lợi cho ông V. Ngoài ra, bà Đ không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2023 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1 trình bày:

Ông H1 là chồng của bà Dương Thị L1. Bà L1 là con của ông Dương T3 và bà Đỗ Thị Đối. Ông H1 và bà L1 có 02 người con chung là Nguyễn Dương Phương V1 và Nguyễn Tấn Hải L, bà L1 chết năm 2022. Về nguồn gốc hình thành thửa đất số 252 tờ bản đồ số 5 cấp cho hộ Dương T3 thì ông H1 không được rõ. Nay mẹ vợ ông bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế thì ông đề nghị giải quyết theo pháp luật, phần vợ ông được hưởng nếu chia cho ông thì ông nhận và nhường lại mẹ vợ là bà Đỗ Thị Đối. Ngoài ra ông H1 không có trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 23/12/2023 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Hải L và bà Nguyễn Dương Phương V1 trình bày:

Ông L và bà V1 là con của bà Dương Thị L1, là cháu ngoại của ông Dương T3, bà Đỗ Thị Đối. Mẹ các ông, bà chết vào năm 2022. Về nguồn gốc hình thành thửa đất số 252 tờ bản đồ số 5 cấp cho hộ D thì các ông, bà không được rõ. Nay bà ngoại Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế thì các ông, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật, phần mẹ các ông, bà được hưởng nếu chia cho các ông, bà thì các ông, bà nhận và nhường lại cho bà ngoại là bà Đỗ Thị Đối. Ngoài ra ông L, bà V1 không có trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2025 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Hiến C trình bày:

Ông C là con của ông Dương Hiến N và bà Trương Thị P. Cha mẹ ông sinh được 07 người con, trong đó có 04 người con chết khi còn nhỏ chưa có chồng con, còn sống 03 người con là bà Dương Thị T4, Dương T3 và Dương Hiến C. Bà T4 có chồng sinh được 04 người con sau đó bà T4 cũng chết; ông Dương T3 có vợ là bà Đỗ Thị Đối S được 06 người con, ông T3 chết năm 2020. Hiện nay chỉ còn 01 mình ông C. Trước đây, mẹ ông là bà Nguyễn Thị T5 có sống chung cùng với gia đình ông T3, bà Đ nhưng thửa đất 252 tờ bản đồ số 5, tại thôn C là của vợ chồng ông T3, bà Đ mua của người khác và làm nhà để ở, vì vậy không liên quan gì đến mẹ ông. Nay chị dâu ông Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản thửa đất 252 tờ bản đồ số 5 tại thôn C xã Đ và tài sản trên đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần của ông C nếu có thì ông cũng tặng cho lại cho bà Đỗ Thị Đối. Ông C không có yêu cầu nhận tài sản hay tranh chấp gì.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2025 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông, bà ngoại của ông T2 là ông Dương Hiến N, bà Trương Thị P. Ông T2 là con của bà Dương Thị T6, bà T6 có 04 người con là Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1. Về nguồn gốc thửa đất 252 tờ bản đồ số 5 tại thôn C xã Đ gia đình bà Đ đang sử dụng thì ông không được rõ. Nay, bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản thửa đất 252 tờ bản đồ số 5 tại thôn C xã Đ và tài sản trên đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần của ông T2 nếu có thì ông cũng tặng cho lại cho bà Đỗ Thị Đối. Ngoài ra ông T2 không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2025 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà H2 là cháu gọi ông Dương Thành B cậu, bà Đỗ Thị Đ là mợ. Mẹ bà là Dương Thị T6 (chị ruột ông Dương T3), có chồng là Nguyễn Văn T7, cha mẹ bà H2 sinh được 04 người con gồm Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1 và bà là Nguyễn Thị H2. Theo bà được biết thì trước đây ông T3, bà Đ có đón bà ngoại của bà về sống chung, lúc đó bà Đ tuổi đã cao. Khi về sống cùng với ông T3, bà Đ thì đã có thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5, thôn C, thửa đất trên là do ông T3, bà Đ nhận chuyển nhượng mà có. Nay, bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản thửa đất 252 tờ bản đồ số 5 tại thôn C xã Đ và tài sản trên đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Phần của bà H2 nếu có thì bà cũng tặng cho lại cho bà Đỗ Thị Đ. Ngoài ra bà H2 không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 18/03/2025 của bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà T1, ông T là con của ông Nguyễn Văn T7 và bà Dương Thị T6. Cha mẹ ông, bà sinh được 04 người con gồm Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị T1. Ông Nguyễn Văn T7 hi sinh năm 1968, bà Dương Thị T6 chết cách đây khoảng 03 năm. Ông ngoại tên Dương Hiền N, bà ngoại tên Trương Thị P. Trước đây sau giải phóng về thì bà ngoại của ông, bà sống với chung với ông Dương Hiền C, sau đó thì đến sống vợ chồng cậu Dương T3, khi về sống chung cùng vợ chồng ông T3, bà Đ bà Trương Thị P đã già yếu, ông T3, bà Đ đã mua đất trước đó rồi. Ông, bà cho rằng thửa đất 252 tờ bản đồ số 5 tại thôn C là của ông T3, bà Đ tạo lập. Nay, bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản thửa đất 252 tờ bản đồ số 5 tại thôn C và tài sản trên đất. Theo ông, bà nếu Tòa án xác định có phần của bà T6 được chia thừa kế của các ông, bà thì bà T1, ông T2 nhường lại phần của ông, bà cho bà Đỗ Thị Đ, ông, bà không tranh chấp hay yêu cầu gì. Ngoài ra ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T1 không có tranh chấp gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử vụ án, Thẩm phán, HĐXX, thư ký đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ. Xác định quyền sử dụng đất thửa đất số 252, tờ bản đồ số 05 tại thôn C xã Đ và toàn bộ tài sản trên đất (không bao gồm 01 ngôi nhà hai tầng) là của ông Dương T3 và bà Đỗ Thị Đ. Chia tài sản chung của ông Dương T3 và bà Đỗ Thị Đ thành hai phần bằng nhau. Chia di sản của ông Dương Thành T3 07 phần bằng nhau; bà Đỗ Thị Đ được nhận 04 phần, ông Dương Hiền M, ông Dương Hiền Q, ông Dương Hiền V mỗi người được nhận 01 phần (bà Đ là người giám hộ cho ông V). Giao ngôi nhà 02 tầng và phần diện tích đất 250,2m² cho ông Dương Hiền Q quản lý sử dụng. Ông Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền tương ứng với giá trị chênh lệch phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại. Đối với ngôi nhà cấp 4 và nhà máy G2 nằm trên diện tích đất bà Đ được hưởng thì giao cho bà Đỗ Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp nguyên đơn khởi kiện phát sinh từ việc phân chia tài sản chung và tài sản thừa kế của hộ ông Dương Thành N1 xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về chia tài sản chung và thừa kế tài sản”. Đây là loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đối tượng tranh chấp là thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ, thị xã Đ, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H1, ông Nguyễn Tấn Hải L, bà Nguyễn Dương Phương V1, ông Dương Hiền C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt những người liên quan.

[1.3] Về thời hiệu: Ông Dương Thành C1 năm 2020, ngày 28/11/2023 bà Đỗ Thị Đ nộp đơn khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế đôi nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 623 về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về hàng thừa kế của ông Dương T3: Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự cùng với lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Thành G1: vợ bà Đỗ Thị Đ, các con của ông T3 là Dương Thị Đ1, Dương Hiền H, Dương Thị L1, Dương Hiền M, Dương Hiền V, Dương Hiền Q. Trong đó có bà Dương Thị L1 chết năm 2022, chết sau ông Dương T3, vì vậy chồng và các con của bà Dương Thị L1 gồm Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Tấn Hải L, Nguyễn Dương Phương V1 là những người thừa kế được hưởng phần tài sản thừa kế của bà L1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nguồn gốc hình thành, quá trình sử dụng, hiện trạng thực tế và xác định quyền sử dụng thửa đất đang tranh chấp:

Về nguồn gốc đất: Qua các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thể hiện tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư do chính quyền địa phương thực hiện cũng như việc thẩm định, xác định nguồn gốc đất của Chi nhánh Văn phòng Đ2, Phòng tài nguyên và môi trường thị xã Đ khi hộ ông Dương Thành kê K đăng ký biến động thì nguồn gốc thửa đất tranh chấp đã được ông Dương T3 và bà Đỗ Thị Đ sử dụng ổn định từ trước năm 1975 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/4/2000 cho hộ Dương T3. Đến ngày 09/12/2019 Ủy ban nhân dân thị xã Đ điều chỉnh biến động diện tích đất được công nhận: 1003m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài và 428m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở, thời hạn sử dụng đến ngày 01/7/2064.

Về xác định quyền sử dụng đất của các thành viên hộ gia đình tại thời bắt đầu điểm sử dụng đất trước năm 1980: Qua tra cứu tàng thư tại Cơ quan công an thị xã Đ thì khoảng năm 1977 hộ Dương Thành kê khai có 08 nhân khẩu gồm: Dương T3 (chủ hộ); Trương Thị P quan hệ với chủ hộ mẹ; Đỗ Thị Đ quan hệ với chủ hộ vợ; Dương Hiền C quan hệ với chủ hộ em; Dương Thị Đặng quan H4 với chủ hộ con; Dương

Hiền H quan hệ với chủ hộ con; Dương Thị L1 quan hệ với chủ hộ con; Dương Hiền M quan hệ với chủ hộ con. Theo lời khai của các đương sự, những người có tên trong hộ gia đình tại thời điểm sử dụng đất trước năm 1980 thì ông Dương Hiền C cho rằng thửa đất số 352 là do vợ chồng bà Đ nhận chuyển nhượng mà có, không liên quan đến ông và mẹ ông. Những người thuộc hàng thừa kế của bà Trương Thị P, Dương Thị T6 và các con của ông T3, bà Đ cũng cho rằng thửa đất 252, tờ bản đồ số 5 là của ông T3, bà Đ nhận chuyển nhượng và sử dụng từ trước năm 1975. Điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ do UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 511338 ngày 03/4/2000 cấp cho hộ Dương T3 là tài sản chung của vợ chồng ông Dương T3 và bà Đỗ Thị Đ, giá trị là 2.030.824.000 đồng

[2.2] Về tài sản trên đất:

Theo lời nguyên đơn khai: Trên thửa đất có 03 ngôi nhà; 01 ngôi nhà 03 gian (nhà trên) dùng để thờ cúng ông bà và 01 nhà cấp 4 dùng để làm nhà máy xay xát gạo là tài sản của vợ chồng nguyên đơn tạo lập. Riêng 01 ngôi nhà 02 tầng (nhà dưới) là tài sản của chung của bà Đ, ông T3 và con trai Dương Hiền Q cùng xây dựng, trong đó ông Q có đóng góp vào khoảng 300.000.000 đồng. Ngoài ra, trên đất còn có 01 giếng nước; một mái hiên tôn; cổng; hàng rào sắt và cổng sắt; chái tôn; 03 cây mít; 01 cây bưởi; 50 cây chuối; 02 bụi tre; 01 cây chanh; 02 cây bông trang và 01 máy gao.

Đối với những tài sản trên bị đơn không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về 01 ngôi nhà 02 tầng (nhà dưới) là tài sản chung của ông T3, bà Đ và Dương Hiền Q, bị đơn cho rằng đây là tài sản chung của bà Đ, ông T3. Bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa xác định thửa đất số 252 và tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà 03 gian (nhà trên), 01 ngôi nhà 02 tầng và 01 nhà cấp 4 dùng để làm nhà máy xay xát gạo là tài sản chung của ông T3, bà Đ và giải quyết chia thành 06 phần cho các con những tài sản khác còn lại bị đơn không có yêu cầu chia và không tranh chấp.

Theo lời khai của bà Dương Thị Đ1, ông Dương Hiền H thống nhất với lời khai của bà Đỗ Thị Đ về số tài sản trên đất. Tuy nhiên, đối với ngôi nhà 02 tầng (nhà dưới) ông H cho rằng khi xây dựng nhà thì bà Đ, ông T3 và Q cùng bỏ tiền ra xây dựng nhà, bản thân ông H cũng có bỏ công ra để phụ giúp xây dựng nhà, việc làm này của ông là phụ giúp cha mẹ nên ông không yêu cầu phải trả lại tiền công cho ông.

Lời khai của ông Dương Hiền Q cho rằng: Năm 2019 cha mẹ ông có nói miệng cho ông một phần diện tích đất trong thửa 252, tờ bản đồ số 5 việc này anh chị em của ông đều biết. Khi được hứa cho đất thì ông bỏ tiền ra cùng với cha mẹ để xây dựng ngôi nhà 02 tầng, giá trị xây nhà lúc bấy giờ khoảng 700.000.000 đồng, bản thân ông bỏ ra khoảng 300.000.000 đồng để xây nhà. Nay ông đề nghị Tòa xem xét để bảo đảm quyền lợi cho ông.

Trường hợp này Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 22/3/2024 ông Dương Hiền Q có cung cấp cho Tòa án 01 giấy viết tay về “*Đơn xin chuyển nhượng đất*” ngày 04/6/2019 có nội dung ông Dương T3, bà Đỗ Thị Đ chuyển nhượng cho Dương Hiền Q một phần diện tích đất, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, máy gao nằm trong diện tích đất nói trên. Sau đó ông Dương Thành L2 thủ tục đăng ký biến động và tách thửa đối với thửa đất trên thành 02 thửa vào ngày 29/4/2020. Điều này trùng khớp với lời khai

của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc ông T3 có hứa cho ông Dương Hiền Q một phần đất nên việc ông Q khai có góp tiền để cùng với cha mẹ xây dựng ngôi nhà 02 tầng là có căn cứ. Về số tiền đóng góp, theo lời khai của nguyên đơn bà Đ cho rằng vợ chồng bà có bỏ tiền ra để xây dựng căn nhà 02 tầng, mục đích là để cho ông Q nên khi xây nhà Q có đóng góp vào 300.000.000 đồng để xây nhà, lời khai này trùng khớp với lời khai của ông Q. Theo định giá ngôi nhà 02 tầng có giá trị 814.578.000 đồng, vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho ông Q, Hội đồng xét xử trích phần đóng góp của ông Q trả lại cho ông Q trước khi chia tài sản, cụ thể như sau $814.578.000 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng} = 514.578.000 \text{ đồng}$, số tiền còn lại này xác định là tài sản chung của ông T3, bà Đ để giải quyết chia theo pháp luật.

Những tài sản còn lại: 01 ngôi nhà trên giá trị 281.375.000 đồng; 01 nhà máy gạo giá trị 45.688.000 đồng, đây là tài sản chung của ông T3, bà Đ được các đương sự thống nhất đồng ý.

Vậy tổng giá trị tài sản trên đất của ông T3, bà Đ các đương sự tranh chấp yêu cầu Tòa giải quyết chia là: $514.578.000 \text{ đồng} + 281.375.000 \text{ đồng} + 45.688.000 \text{ đồng} = 841.641.000 \text{ đồng}$.

[2.2] Về xác định tài sản chung và tài sản thừa kế:

Bà Đỗ Thị Đ và ông Dương Thành kết H3 vào năm 1967, sau khi kết hôn ông, bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ để sinh sống từ trước năm 1975, vậy căn cứ Điều 213, 219, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; bà Đỗ Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận và xác định $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là của bà Đỗ Thị Đ, còn $\frac{1}{2}$ tài sản là phần di sản thừa kế của ông Dương Thành .1 Cụ thể, phần bà Đỗ Thị Đ và ông Dương T3 mỗi người sẽ được chia là $1.431\text{m}^2 : 2 = 715,5\text{m}^2$ đất, trị giá 1.015.412.000 đồng và phần tài sản trên đất là $841.641.000 \text{ đồng} : 2 = 420.820.500 \text{ đồng}$.

[2.3] Về chia tài sản chung và tài sản thừa kế:

[2.3.1] Phần di sản thừa kế của ông Dương T3 $715,5\text{m}^2$ đất, trị giá 1.015.412.000 đồng và phần tài sản trên đất là 420.820.500 đồng, tổng giá trị 1.436.232.500 đồng sẽ được chia đều 07 kỷ phần cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ bà Đỗ Thị Đ, các con Dương Thị Đ1, Dương Hiền H, Dương Thị L1, Dương Hiền M, Dương Hiền V, Dương Hiền Q. Trong đó có Dương Thị L1 chết nên chồng ông Nguyễn Tấn H1 và 02 con Nguyễn Tấn Hải L, Nguyễn Dương Phương V1 sẽ được hưởng phần của bà L1, cụ thể kỷ phần thừa kế của mỗi người được hưởng là: $1.436.232.500 \text{ đồng} : 7 = 205.176.071 \text{ đồng}$ (được làm tròn 205.176.000 đồng.)

Do các con của ông Dương T3 là: bà Dương Thị Đ1, ông Dương Hiền H và hàng thừa kế của bà Dương Thị L1 là ông Nguyễn Tấn H1, ông Nguyễn Tấn Hải L, bà Nguyễn Dương Phương V1 tự nguyện nhường phần di sản được thừa hưởng của ông T3 lại cho bà Đỗ Thị Đ, bà Đ cũng đồng ý nhận phần di sản này, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái quy định pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3.2] Vậy phần tài sản của bà Đỗ Thị Đ được chia tài sản chung giá trị tài sản 1.436.232.500 đồng. Cùng với việc Đ được hưởng phần di sản thừa kế của ông T3 cộng với 03 kỷ phần được nhường lại từ bà Đ1, ông H, chồng và các con của bà L1 sẽ

được như sau: 1.436.232.500 đồng + 205.176.000 đồng (phần bà Đ được chia) + 205.176.000 đồng (phần bà Đ1) + 205.176.000 đồng (phần ông H) + 205.176.000 đồng (phần của chồng, con bà L1) = 2.256.936.500 đồng, đây là tổng giá trị tài sản bà Đ được nhận.

[2.3.3] Phần ông Dương Hiền M, ông Dương Hiền V, ông Dương Hiền Q được nhận mỗi người là 205.176.000 đồng. Đối với ông V do ông là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, theo quyết định số 09/2023/QĐST-DS ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn chỉ định bà Đỗ Thị Đ là người giám hộ cho ông Dương Hiền V nên bà Đ có trách nhiệm quản lý, giám hộ đối với tài sản được ông V được nhận thừa kế. Riêng đối với ông Dương Hiền Q, ngoài phần thừa kế được hưởng thì ông Q còn được thanh toán lại số tiền đã đóng vào để xây dựng nhà là 300.000.000 đồng nên phần ông Q được nhận là 205.176.000 đồng + 300.000.000 đồng = 505.176.000 đồng.

[2.4] Về chia tài sản bằng hiện vật:

Qua xem xét thẩm định thực tế hiện trạng thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất cùng thì hiện nay trên thửa đất tranh chấp của hộ Dương T3 có 03 ngôi nhà. Tại Trang 4 của giấy chứng nhận có thể hiện thửa đất 252 cấp cho hộ Dương Thành T8 thành 02 thửa: thửa 742, diện tích 494,7m và thửa 743 có diện tích 936,3m². Tuy nhiên, Công văn số 680/CNVPĐKĐ Đ ngày 19/12/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thể hiện “sau khi tách thửa hộ ông Dương Thành K1 thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với các thửa tách ra”. Vì vậy, việc thửa đất 252 chưa được tách thửa theo đúng quy định pháp luật. Mặt khác, qua xem xét hiện trạng thì giữa 02 thửa đất được tách có nhà trên (nhà 03 gian) và nhà dưới (nhà 02 tầng) dính liền nhau không thực hiện được việc tách thửa, giá trị 02 thửa đất được tách ra cao hơn nhiều so với giá trị tài sản thừa kế bị đơn, người liên quan được nhận. Do đó Hội đồng xét xử giao toàn bộ quyền sử dụng đất thửa số 252 và tài sản trên đất cho bà Đỗ Thị Đ quản lý sử dụng, bà Đ có trách nhiệm thanh toán phần giá trị cho những người thừa kế hưởng phần di sản ông T3 để lại. Cụ thể thanh toán cho ông Dương Hiền M 205.176.000 đồng; thanh toán cho ông Dương Hiền V 205.176.000 đồng; thanh toán cho ông Dương Hiền Q 505.176.000 đồng.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ là người cao tuổi, người liên quan ông Dương Hiền V là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà Đỗ Thị Đ và ông Dương Hiền V. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản quyền sử dụng đất được chia theo điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.100.000 đồng. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ đã nộp tạm ứng, căn cứ vào tỷ lệ tài sản được chia và nhận quản lý sử dụng, bị đơn, người liên quan phải có trách nhiệm trả lại tiền chi phí tố tụng trên cho bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 213, 219, 609, 611, 612, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Đ về việc: “Tranh chấp chia tài sản chung và chia tài sản thừa kế”.

Phân chia tài sản chung và tài sản thừa kế thừa đất số 252, tờ bản đồ số 5 tại thôn C, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 511338 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/4/2000 cho hộ ông Dương Thành N2 sau:

1.1 Bà Đỗ Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất là 1.431m² (trong đó 1003m² đất ở nông thôn, thời hạn sử dụng lâu dài và 428m² đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở, thời hạn sử dụng ngày 01/7/2064) trị giá 2.030.824.000 đồng. Được xác định tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa ONT 253
- + Phía Tây giáp đường bê tông 3,5m, lề 1,5m
- + Phía Nam giáp thửa ONT 292
- + Phía Bắc giáp đường bê tông 3m + lề đường 1m.

Tài sản gắn liền trên đất 01 ngôi nhà cấp 4; 01 ngôi nhà 02 tầng; 01 nhà máy gạo, trị giá 1.141.641.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà Đỗ Thị Đ nhận là 3.172.465.000 đồng. (Ba tỷ một trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

1.2 Bà Đỗ Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch tài sản cho ông Dương Hiển M, ông Dương Hiển V mỗi người là 205.176.000 đồng (Hai trăm linh năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); Thanh toán cho ông Dương Hiển Q 505.176.000 đồng (Năm trăm linh năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

Đối với phần thừa kế ông Dương Hiển V được chia, người giám hộ bà Đỗ Thị Đ sẽ có trách nhiệm quản lý tài sản thừa kế thay cho người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự ông Dương Hiển V. Việc quản lý tài sản phải tuân thủ các quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi cho người thừa kế.

Bà Đỗ Thị Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Đ, ông Dương Hiển V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Dương Hiển M phải chịu 10.259.000 đồng tiền án phí chia tài sản. Ông Dương Hiển Q phải chịu 24.207.000 đồng án phí chia tài sản.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.100.000 đồng. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Đ đã nộp tạm ứng, căn cứ vào tỷ lệ tài sản được chia và tài sản được giao quản lý, sử dụng bà Đỗ Thị Đ phải chịu 5.100.000 đồng. Ông Dương Hiển M phải chịu 1.000.000 đồng, ông Dương Hiển Q phải chịu

2.000.000 đồng. Ông M và ông Q phải có trách nhiệm trả lại tiền chi phí tố tụng cho bà Đỗ Thị Đối .

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

(Kèm theo bản án này là mảnh trích đo địa chính thửa đất)

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. Điện Bàn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân

